

Bản án số: **193/2018/HNGĐ-ST**

Ngày 03/10/2018

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Ninh
2. Ông Hoàng Văn Bốn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2018/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 3 năm 2018, về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **ĐẶNG THỊ L**, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh **LÝ VĂN S**, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (anh S vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, Biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đặng Thị L trình bày: Tôi và anh Lý Văn S ở thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, được tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 01/12/2010, tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng gia đình bố mẹ chồng ở thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, cho đến nay. Về tình cảm vợ chồng thời gian đầu sống hạnh phúc. Khoảng đầu năm 2015, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ngày càng mâu thuẫn căng thẳng. Đến khoảng cuối năm 2015, do vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng không thể hòa hợp được, nên tôi bỏ nhà đi làm ăn ở tỉnh khác, do vậy tôi và anh S sống ly thân cho đến nay không ai còn quan tâm đến nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình vợ chồng không hòa hợp trong cuộc sống và làm ăn kinh tế; anh S không chịu khó làm ăn, nên tôi có đơn xin ly hôn với anh S.

Tại phiên tòa hôm nay, tôi vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Tôi xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mâu thuẫn vợ chồng thường xảy ra trầm trọng, kéo dài và thực tế vợ chồng sống ly thân nhau từ khoảng cuối năm 2015, đến nay không ai quan tâm đến nhau; mục đích xây dựng hạnh phúc gia đình không đạt được, nên tôi đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Lý Văn S theo quy định của pháp luật.

Con chung của vợ chồng: Tôi và anh S có 02 người con chung là cháu Lý Canh Đ, sinh ngày 02/4/2007 và cháu Lý Thị N, sinh ngày 09/6/2009, hiện nay cả 02 cháu đang ở với anh S. Do hiện nay tôi thường xuyên đi làm ăn ở xa tỉnh Tuyên Quang, nên nếu ly hôn tôi hoàn toàn nhất trí giao cháu Đ và cháu N cho anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục tôi không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh S, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết.

Tài sản chung: Tôi và anh S không có, nên không yêu cầu giải quyết khi ly hôn.

Tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung: Tôi và anh S không có, nên không yêu cầu giải quyết khi ly hôn.

Ngoài ra tôi không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết gì khác.

Bị đơn anh Lý Văn S trình bày tại Biên bản lấy lời khai (Bút lục số 29) có lưu trong hồ sơ vụ án: Tôi và chị Đặng Thị L ở thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, được tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 01/12/2010, tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại nhà bố mẹ tôi cho đến nay. Về tình cảm vợ chồng thời gian đầu sống hạnh phúc. Cách đây khoảng 03 năm, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ngày càng mâu thuẫn căng thẳng, nên chị L bỏ nhà đi làm ăn ở tỉnh khác khoảng 03 năm nay không quan tâm gì đến tôi và các con. Nay chị L xin ly hôn với tôi, tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Con chung của vợ chồng: Tôi và chị L có 02 người con chung là cháu Lý Canh Đ, sinh ngày 02/4/2007 và cháu Lý Thị N, sinh ngày 09/6/2009, hiện nay cả 02 cháu đang ở trực tiếp với tôi. Nếu ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ và cháu N, tôi không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng tôi, đề nghị Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Tôi và chị L không có, nên không yêu cầu giải quyết khi ly hôn.

Tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung: Tôi và chị L không có, nên không yêu cầu giải quyết khi ly hôn.

Tại Biên bản lấy lời khai cháu Lý Canh Đ và cháu Lý Thị N trình bày (Bút lục số 26, 27) có lưu trong hồ sơ vụ án: Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì nguyện vọng của cháu (Đ, N) là được ở trực tiếp với bố Lý Văn S.

Quá trình giải quyết vụ án, về chứng cứ đương sự cung cấp cho Tòa án.

Chị L cung cấp:

- 02 (Hai) bản chính Giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, cấp ngày 01/12/2010 đối với chị L và anh S.

- 02 (Hai) bản sao có chứng thực Giấy khai sinh mang tên Lý Canh Đ, sinh ngày 02/4/2007 và Lý Thị N, sinh ngày 09/6/2009.

- 01 (Một) Giấy xác nhận đề ngày 29/01/2018, của UBND xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, xác nhận chị Đặng Thị L và anh Lý Văn S có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Anh S không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Tòa án nhân dân huyện H xác minh tại địa phương nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chị L và anh S được biết: Chị L và anh S là vợ chồng, có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Khoảng năm 2015, chị L và anh S có xảy ra mâu thuẫn và ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài. Do vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, nên từ năm 2015 chị L bỏ đi làm ăn không về nhà, do vậy vợ chồng sống ly thân nhau đến nay. Chị L và anh S mâu thuẫn vợ chồng là thực tế; hiện tại vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2015 đến nay. Việc chị L xin ly hôn với anh S, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị L và anh S có 02 người con chung là cháu Lý Canh Đ, sinh ngày 02/4/2007 và cháu Lý Thị N, sinh ngày 09/6/2009. Do chị L thường xuyên không có mặt tại gia đình và địa phương, khi ly hôn nên giao 02 người con chung cho anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là hợp lý. Về tài sản chung; tài cho vay và tài sản vay nợ chung chị L và anh S không có.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang, đã báo các bên đương sự đến Tòa án để hòa giải nhiều lần, nhưng anh S không có mặt. Anh S có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện H, thụ lý và giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm về *Tranh chấp hôn nhân và gia đình* là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Tòa án xác định tư cách đương sự, và tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng trình tự của pháp luật quy định. Các phần tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tiến hành theo đúng trình tự, đúng pháp luật tố tụng quy định; ý thức chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện tốt nghĩa vụ về việc có mặt tại Tòa án theo Giấy triệu tập của Tòa án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang, phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 228; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đặng Thị L được ly hôn với anh Lý Văn S.

- Về con chung: Xử giao cho anh Lý Văn S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lý Canh Đ, sinh ngày 02/4/2007 và cháu Lý Thị N, sinh ngày 09/6/2009.

Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh S.

Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

- Chị L phải chịu án phí dân sự ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa:

[1] Chị Đặng Thị L và anh Lý Văn S được tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 01/12/2010, tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại gia đình bố mẹ chồng ở thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, cho đến nay. Về tình cảm thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng từ khoảng đầu năm 2015 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, và mâu thuẫn ngày càng căng thẳng. Đến khoảng cuối năm 2015, do vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng chị L bỏ đi làm ăn ở tỉnh khác, nên vợ chồng sống ly thân đến nay không ai còn quan tâm đến nhau. Do vậy, chị L có đơn xin ly hôn với anh S.

[2] Về quan hệ vợ chồng: Xét thấy chị L và anh S có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thực tế vợ chồng sống ly thân nhau từ khoảng cuối năm 2015 đến nay, nên chấp nhận toàn bộ đơn và yêu cầu của chị L là được ly hôn với anh S theo quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Con chung: Chị L và anh S có 02 người con là cháu Lý Canh Đ, sinh ngày 02/4/2007 và cháu Lý Thị N, sinh ngày 09/6/2009. Do chị L thường xuyên không có mặt tại gia đình và địa phương; chị L và anh S đều nhất trí khi ly hôn giao 02 người con chung cho anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị L không phải đóng góp phí tổn nuôi con chung cùng anh S. Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn, nên chấp nhận là có căn cứ theo Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình và phù hợp với thực tế.

[4] Tài sản chung của vợ chồng: Chị L và anh S cùng xác định không có, nên không yêu cầu giải quyết. Do vậy, không xem xét giải quyết.

[5] Tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung của vợ chồng: Chị L và anh S cùng xác định hai bên không có, nên không yêu cầu giải quyết. Do vậy, không xem xét giải quyết.

[6] Chị L phải chịu toàn bộ án phí dân sự ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Anh S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Anh S có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên xét xử vắng mặt anh S theo khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56; 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; 266; 267; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị L được ly hôn với anh Lý Văn S.

2. Về con chung: Anh Lý Văn S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lý Canh Đ, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2007 và cháu Lý Thị N, sinh ngày 09 tháng 6 năm 2009.

Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh S.

Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí: - Chị Đặng Thị L phải chịu tiền án phí dân sự ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số N^o 0004001 ngày 15/3/2018, của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Chị L đã nộp đủ tiền án phí.

- Anh Lý Văn S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: - Chị Đặng Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Anh S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã T (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Anh Tuấn